

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ II NĂM 2017**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 30/06/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>270.640.954.582</b>	<b>330.712.525.218</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>65.051.345.392</b>	<b>87.141.844.393</b>
1. Tiền	111		21.367.860.378	20.078.643.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.683.485.014	67.063.201.042
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>35.305.351.867</b>	<b>39.562.588.005</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.305.351.867	39.562.588.005
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.621.642.545</b>	<b>125.219.510.282</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.551.320.536	61.629.790.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.201.515.253	4.540.527.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	13.833.151.129	65.310.190.722
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(8.964.344.373)	(6.260.998.158)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>90.218.037.457</b>	<b>78.788.582.538</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.585.478.039	79.603.571.120
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(367.440.582)	(814.988.582)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>444.577.321</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	105.028.212	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16	339.549.109	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>258.799.889.031</b>	<b>176.271.607.498</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>91.578.154.807</b>	<b>46.956.121.047</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	74.659.723.414	30.037.689.654
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.254.904.822</b>	<b>8.199.294.111</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.108.961.572	8.024.162.211
- Nguyên giá	222		15.592.073.855	15.592.073.855
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.483.112.283)	(7.567.911.644)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	145.943.250	175.131.900
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(204.320.550)	(175.131.900)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.487.402.439</b>	<b>1.273.911.409</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	9.487.402.439	1.273.911.409
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>146.712.984.132</b>	<b>115.379.345.695</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.019.345.695	88.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(206.916.563)	
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		28.640.555.000	27.100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.766.442.831</b>	<b>4.462.935.236</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	424.188.670	368.009.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.342.254.161	4.094.925.690
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>529.440.843.613</b>	<b>506.984.132.716</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 30/06/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>240.984.984.351</b>	<b>227.385.355.430</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>223.295.538.351</b>	<b>207.914.641.430</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	59.747.532.040	53.529.104.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	29.970.119.220	50.971.723.799
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	10.861.921.700	4.601.826.909
4. Phải trả người lao động	314		1.357.496.212	2.342.753.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	43.003.594.555	60.611.211.634
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	37.039.626.800	11.408.545.166
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.531.117.699	1.532.825.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	22.630.224.913	16.525.032.433
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.902.596.646	1.355.494.407
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	12.251.308.566	5.036.123.906
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.20</b>	<b>17.689.446.000</b>	<b>19.470.714.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		17.689.446.000	19.470.714.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.23</b>	<b>288.455.859.262</b>	<b>279.598.777.286</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>288.455.859.262</b>	<b>279.598.777.286</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.411.814.794	35.776.975.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.344.044.468	118.121.801.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.629.162.352	27.410.478.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.714.882.116	90.711.323.357
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>529.440.843.613</b>	<b>506.984.132.716</b>

Tiền Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2/2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>96.439.335.380</b>	<b>148.532.488.414</b>	<b>145.617.545.128</b>	<b>165.656.281.188</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>96.439.335.380</b>	<b>148.532.488.414</b>	<b>145.617.545.128</b>	<b>165.656.281.188</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	78.659.120.968	128.654.011.557	104.090.907.569	145.096.500.172
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.780.214.412	19.878.476.857	41.526.637.559	20.559.781.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.208.156.507	17.128.618.389	35.089.072.742	34.119.698.697
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	486.721.797	1.025.089.321	733.799.248	908.439.165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		279.805.234		526.882.685	750.148.592
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.161.453.547	2.379.591.963	2.423.001.380	3.183.267.177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.428.861.912	4.545.942.072	9.039.720.166	7.292.568.638
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>30.911.333.663</b>	<b>29.056.471.890</b>	<b>64.419.189.507</b>	<b>43.295.204.733</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	96.320.055	401.894.600	207.893.191	403.070.600
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.635.914	24.785.612	88.091.367	361.467.778
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>91.684.141</b>	<b>377.108.988</b>	<b>119.801.824</b>	<b>41.602.822</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>31.003.017.804</b>	<b>29.433.580.878</b>	<b>64.538.991.331</b>	<b>43.336.807.555</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.899.100.539	1.685.860.179	9.071.437.686	2.233.316.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		691.664.231	50.524.981	752.671.529	(485.882.200)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>27.412.253.034</b>	<b>27.697.195.718</b>	<b>54.714.882.116</b>	<b>41.589.372.759</b>

Người lập biểu


**HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG**

Kế toán trưởng


**LÊ MỸ PHƯỢNG**

Ngày 21 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc


**TRẦN HOÀNG HUÂN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.538.991.331	43.336.807.555
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		934.194.809	1.612.230.788
- Các khoản dự phòng	03		4.009.817.017	(7.278.689.292)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.735.255)	(673.187)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.082.337.487)	(34.095.068.167)
- Chi phí lãi vay	06		526.882.685	750.148.592
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.920.813.100	4.324.756.289
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.562.537.115)	28.281.088.444
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.981.906.919)	30.050.530.373
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(4.837.734.258)	89.674.272.377
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(161.207.336)	404.246.928
- Tiền lãi vay đã trả	14		(524.519.958)	(723.841.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.703.855.020)	(1.423.622.687)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.632.700.000)	(6.420.613.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.516.352.494	144.166.816.412
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(16.129.881.635)	(1.362.913.328)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	185.794.926
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.542.901.154)	(53.545.903.420)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.259.582.292	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.475.410.267	7.649.338.345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.062.209.770	(47.073.683.477)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		26.837.006.640	44.413.029.699
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.513.082.160)	(120.892.251.509)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.999.721.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.675.796.520)	(79.479.221.810)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(22.097.234.256)	17.613.911.125
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.141.844.393	47.209.886.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.735.255	2.205.082
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		65.051.345.392	64.826.002.708

Tiền Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯỢNG

TRẦN HOÀNG HUÂN



12005  
CÔNG  
CỔ  
ĐẦU TƯ VÀ  
TIỀN  
THO

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý II năm 2017**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 119.999.070.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 79 người.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

## 3. Cấu trúc tập đoàn

### 3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%

### 3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### 2. Tiền và tương đương tiền

#### Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### 3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

## **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

### **Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

## **6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## **Phân loại các khoản đầu tư**

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

## **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## **8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

## 11. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

## 12. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
  - Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

## **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng**

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

### **Chi phí của hợp đồng xây dựng**

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

## **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Tiền mặt	231.343.880	439.965.946
Tiền gửi ngân hàng (i)	-	-
- VND	21.040.583.837	19.549.484.433
- USD	8.596.112	8.607.463
- EUR	87.336.549	80.585.509
Các khoản tương đương tiền (ii)	43.683.485.014	67.063.201.042
<b>Cộng</b>	<b>65.051.345.392</b>	<b>87.141.844.393</b>

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tiền gửi ngân hàng	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- USD	378,35	8.596.112
- EUR	3.373,37	87.336.549

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 4,3%/ năm đến 5,2%/ năm (năm 2016: 4,3%/ năm đến 4,8%/ năm).

Trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang là 2.240.952.344 đồng đã được đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HDBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của công ty

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.305.351.867</b>	<b>39.562.588.005</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	35.305.351.867	39.562.588.005



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
<b>Dài hạn</b>	<b>28.640.555.000</b>	<b>27.100.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	28.640.555.000	27.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.945.906.867</b>	<b>66.662.588.005</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 5,3% đến 7,1% (năm 2016 từ 4,8%/ năm đến 7,1%/ năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang là 8.773.318.698đồng (ngắn hạn: 2.224.522.031đồng và dài hạn 6.548.796.667đồng), đã được đảm bảo cho các khoản vay và khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17/10/2016 và hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17/10/2016 của công ty.

### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số dư 30/06/2017			Số dư 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	68.000.000.000	-	68.000.000.000	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	14.519.345.695	(206.916.563)	14.877.183.437	14.519.345.695	-	15.084.100.000
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	260.000.000	260.000.000	-	330.609.469
<b>Cộng</b>	<b>118.279.345.695</b>	<b>(206.916.563)</b>	<b>118.637.183.437</b>	<b>88.279.345.695</b>		<b>88.914.709.469</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo.

### 3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	12.402.290.935	7.628.505.554
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	38.111.793.656	44.416.715.086
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	2.715.489.540	3.353.357.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	2.989.832.735	4.023.182.762
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.331.913.670	2.208.029.670
<b>Cộng</b>	<b>60.551.320.536</b>	<b>61.629.790.612</b>

**Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:****Phải thu các bên liên quan**

	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ	8.345.144.730	8.535.940.711
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	4.453.806.060	3.468.552.153
Cty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCÔ	4.355.669.835	1.720.783.410

**Phải thu các khách hàng khác**

	-	-
BQL dự án đầu tư XD ngành NN Tiền Giang	9.134.594.835	2.636.531.300
Sở NN & PTNT Trà Vinh	4.832.397.813	13.467.053.813
BQL Dự án công trình NN&PT NT Cà Mau	2.287.377.000	2.270.580.000
BQL dự án đầu tư và xây dựng CT Giao thông Tiền Giang	2.244.222.000	8.385.427.595
BQL dự án chuyên ngành NN và PTNT Bến Tre	1.139.908.000	2.171.500.300
Công ty Cổ phần An Thịnh	1.512.663.000	3.423.593.668
Cty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	1.513.265.000	-
Cty TNHH Thuận Phú	3.211.488.000	714.300.000
Khách hàng dự án Lê Văn Phẩm	1.966.609.000	455.655.000
Khách hàng dự án Long Thanh Hưng	2.151.304.670	1.538.374.670
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	1.506.646.000	1.490.457.000
Các khách hàng khác	11.896.224.593	11.351.040.992
<b>Cộng</b>	<b>60.551.320.536</b>	<b>61.629.790.612</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	253.198.741	2.178.089
Trả trước cho người bán thi công công trình	12.858.470.012	3.559.822.517
Trả trước cho người bán kinh doanh bất động sản	1.089.846.500	978.526.500
	<b>14.201.515.253</b>	<b>4.540.527.106</b>

**Chi tiết trả trước các người bán sau:****Trả trước người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Cty TNHH MTV XD TL TICCO	831.026.000	1.864.454.520

**Trả trước người bán khác**

Công ty TNHH Kiến Minh	6.350.000.000	-
DNTN Thanh Hiếu	2.547.597.012	-
Cty CP Xây Dựng TM Thới Bình	2.163.395.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.541.489.241	1.908.064.586
<b>Cộng</b>	<b>14.201.515.253</b>	<b>4.540.527.106</b>

**5. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
<b>Cộng</b>	<b>16.918.431.393</b>	<b>16.918.431.393</b>

**6. Phải thu khác**

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
<b>a/ Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>13.833.151.129</b>	<b>65.310.190.722</b>
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.700.258.811	615.923.830
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	568.180.265	60.025.343.334
Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	1.002.413.341	284.008.554
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình	1.602.755.748	950.459.852

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
<b>TICCO</b>		
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Tạm ứng nhân viên	3.505.894.571	2.507.027.282
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TX Gò Công	866.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	803.209.540	672.259.017
<b>b/ Phải thu dài hạn khác</b>	<b>74.659.723.414</b>	<b>30.037.689.654</b>
Các khoản ký quỹ	60.010.000	60.010.000
Lợi nhuận các năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	74.599.713.414	29.977.679.654
<b>Cộng</b>	<b>88.492.874.543</b>	<b>95.347.880.376</b>

**7. Nợ xấu**

	<b>30/06/2017</b>			<b>01/01/2017</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>11.174.687.576</b>	<b>2.793.238.556</b>	<b>(8.381.449.020)</b>	<b>5.828.502.963</b>	<b>150.400.158</b>	<b>(5.678.102.805)</b>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>						
Các khách hàng bán bê tông	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)
Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Ban Quản lý Đầu Tư & Xây Dựng Thủy Lợi 9	374.524.406	-	(374.524.406)	374.524.406	112.357.321	(262.167.085)
BQL DA CT NN & PT NT Cà Mau	378.200.000	189.100.000	(189.100.000)	-	-	-
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	4.750.394.813	2.375.197.406	(2.375.197.407)	-	-	-
Các khách hàng khác	3.231.910.134	228.941.150	(3.002.968.984)	3.014.320.334	38.042.837	(2.976.277.497)
<b>Trả trước người bán</b>	<b>317.226.500</b>	<b>-</b>	<b>(317.226.500)</b>	<b>317.226.500</b>	<b>-</b>	<b>(317.226.500)</b>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>						
Công ty Sagel	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
Các khách hàng khác	95.730.000	-	(95.730.000)	95.730.000	-	(95.730.000)
<b>Phải thu khác</b>	<b>265.668.853</b>	<b>-</b>	<b>(265.668.853)</b>	<b>265.668.853</b>	<b>-</b>	<b>(265.668.853)</b>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	-	(255.168.853)	255.168.853	-	(255.168.853)
<b>Cộng</b>	<b>11.757.582.929</b>	<b>2.793.238.556</b>	<b>(8.964.344.373)</b>	<b>6.411.398.316</b>	<b>150.400.158</b>	<b>(6.260.998.158)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số dư 30/06/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	99.535.479		98.777.622	
Công cụ, dụng cụ	268.525.595		259.889.231	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	72.005.632.491	(367.440.582)	61.993.206.978	(814.988.582)
Thành phẩm bất động sản	16.111.180.660		16.370.005.556	
Hàng hóa	2.100.603.814		881.691.733	
<b>Cộng</b>	<b>90.585.478.039</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>79.603.571.120</b>	<b>(814.988.582)</b>

(\*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	324.104.435	505.338.221
Khu nhà ở TM xã Trung An	36.053.658.051	57.065.571.548
KDC đường Nguyễn Trãi nổi dài	13.882.599.693	211.077.999
KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	60.173.509
Khu dân cư Sông Đốc	-	447.548.000
Cụm CN Gia Thuận 1	17.344.603.478	561.738.546
Cụm CN Gia Thuận 2	504.358.642	213.903.636
Kiot cho thuê	434.531.192	
Các công trình xây dựng	3.401.603.491	2.927.855.519
<b>Cộng</b>	<b>72.005.632.491</b>	<b>61.993.206.978</b>

**9. Chi phí trả trước**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
<b>a/ Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>105.028.212</b>	-
Chi phí thuê đất	105.028.212	-
<b>b/ Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>424.188.670</b>	<b>368.009.546</b>
Công cụ, dụng cụ	94.301.931	97.454.648
Chi phí sửa chữa	329.886.739	270.554.898
<b>Cộng</b>	<b>529.216.882</b>	<b>368.009.546</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
- Tăng trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư 30/06/2017	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	2.736.694.306	1.905.648.647	2.578.840.356	346.728.335	7.567.911.644
- Khấu hao trong kỳ	199.700.423	458.944.086	243.643.404	12.912.726	915.200.639
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư 30/06/2017	2.936.394.729	2.364.592.733	2.822.483.760	359.641.061	8.483.112.283
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày 01/01/2017	485.474.867	5.656.356.364	1.784.465.679	97.865.301	8.024.162.211
- Tại ngày 30/06/2017	285.774.444	5.197.412.278	1.540.822.275	84.952.575	7.108.961.572
<b>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</b>					
Tại ngày 01/01/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
Tại ngày 30/06/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh tại BIDV - Tiền Giang</b>					
Tại ngày 01/01/2017	284.078.223	5.239.561.639	1.549.627.361	30.113.634	7.103.380.857
Tại ngày 30/06/2017	109.552.384	4.812.510.199	1.335.338.741	24.090.906	6.281.492.230

**11. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 30/06/2017
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 30/06/2017
Giá trị hao mòn lũy kế	175.131.900	29.188.650	-	204.320.550
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>175.131.900</b>	<b>29.188.650</b>	<b>-</b>	<b>145.943.250</b>

**12. Chi phí xây dựng dở dang**

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Xây dựng cơ bản	305.729.591	305.729.591
Mua sắm tài sản cố định	9.079.405.848	968.181.818
Sửa chữa tài sản cố định	102.267.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.487.402.439</b>	<b>1.273.911.409</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản chi phí trích trước	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng	Các khoản lỗ tính thuế	Phân bổ tài sản dài hạn	Cộng
<b>Số dư 01/01/2017</b>	61.931.153	386.240.144	64.397.207	3.347.238.128	235.119.058	4.094.925.690
Chi phí thuế hoãn lại	-	923.855	-	-	-	923.855
Hoàn nhập	(61.931.153)	(145.373.465)	-	(546.290.766)	-	(753.595.384)
<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>-</b>	<b>241.790.534</b>	<b>64.397.207</b>	<b>2.800.947.362</b>	<b>235.119.058</b>	<b>3.342.254.161</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	3.225.011.412	2.726.238.571
Phải trả người bán thi công công trình	54.820.917.519	49.287.887.108
Phải trả người bán thi công cơ giới	337.584.882	304.499.503
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.364.018.227	1.210.478.843
<b>Cộng</b>	<b>59.747.532.040</b>	<b>53.529.104.025</b>

Chi tiết phải trả ngắn hạn của các người bán sau:

Phải trả người bán là các bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	146.053.920	113.946.170
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	32.604.462.666	28.429.267.115
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	3.772.036.258	2.576.491.000
Cty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	10.242.270.519	5.723.411.328
Công ty CPĐT & XD TICCO An Giang	1.682.001.426	2.382.001.426
<b>Phải trả người bán khác</b>		-
Cty Cổ phần 6.3	4.209.282.052	5.976.049.659
Công ty TNHH Hòa Điền	-	833.225.000
DNTN Lê Thành Tài	2.359.796.632	650.850.145
Các khách hàng khác	4.731.628.567	6.843.862.182
<b>Cộng</b>	<b>59.747.532.040</b>	<b>53.529.104.025</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	79.182.500	2.641.000
Người mua thi công công trình trả tiền trước	6.171.672.720	12.714.982.799
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	23.711.464.000	38.246.300.000
<b>Cộng</b>	<b>29.970.119.220</b>	<b>50.971.723.799</b>

**Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước sau:**

BQL DA CT NN & PT NT Cà Mau	770.550.102	2.743.709.102
Ban QLDA chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre	5.401.000.866	-
BQL DA ĐT XD ngành NN Tiền Giang	-	572.880.745
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	-	4.039.266.500
Cty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	-	4.150.994.000
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	23.625.052.500	37.408.843.500
Các khách hàng khác	173.515.752	2.056.029.952
<b>Cộng</b>	<b>29.970.119.220</b>	<b>50.971.723.799</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

2005  
CỘNG  
CỔ P  
TƯ V  
TIỀN  
HO



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***16. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

Thuế GTGT được khấu trừ:

Chỉ tiêu	01/01/2017	Phát sinh tăng	Kết chuyển khấu trừ	30/06/2017
Thuế GTGT đc khấu trừ	-	10.737.963.860	10.398.414.751	339.549.109

Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước:

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017		Phát sinh			Số dư 30/06/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế TNDN	-	4.108.629.404	3.703.855.020	9.071.437.686	-	-	9.476.212.070
Thuế GTGT	-	411.363.795	5.431.413.764	15.418.464.720	10.398.414.751	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-
Thuê đất	-	-	164.183.872	325.190.107	-	-	161.006.235
Thuế TNCN	-	81.833.710	780.066.096	1.922.935.781	-	-	1.224.703.395
Cộng	-	4.601.826.909	10.085.518.752	26.744.028.294	10.398.414.751	-	10.861.921.700

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	-	5.384.000
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	39.421.145.026	58.323.819.351
Chi phí thi công công trình xây dựng	3.268.104.198	1.819.425.187
Chi phí lãi vay phải trả	10.248.112	7.882.385
Các chi phí phải trả khác	304.097.219	454.700.711
<b>Cộng</b>	<b>43.003.594.555</b>	<b>60.611.211.634</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Kinh phí công đoàn	36.407.821	33.271.523
Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi đất nên KDC Trương Định	469.000.887	379.000.887

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Các khoản phải trả khác	2.278.296.673	373.140.981
<b>Cộng</b>	<b>3.531.117.699</b>	<b>1.532.825.710</b>
<b>19. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	<b>Số dư 30/06/2017</b>	<b>Số dư 01/01/2017</b>
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất các dự án bất động sản	37.039.626.800	11.408.545.166
<b>Cộng</b>	<b>37.039.626.800</b>	<b>11.408.545.166</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/06/2017	Trong kỳ		Số dư 01/01/2017
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.630.224.913</b>	<b>26.444.774.640</b>	<b>20.339.582.160</b>	<b>16.525.032.433</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>14.206.188.913</i>	<i>22.232.756.640</i>	<i>17.174.564.160</i>	<i>9.147.996.433</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	14.206.188.913	22.232.756.640	17.174.564.160	9.147.996.433
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.424.036.000</i>	<i>4.212.018.000</i>	<i>3.165.018.000</i>	<i>7.377.036.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	8.424.036.000	4.212.018.000	3.165.018.000	7.377.036.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.689.446.000</b>	<b>4.604.250.000</b>	<b>6.385.518.000</b>	<b>19.470.714.000</b>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	5.616.696.000	-	4.212.018.000	9.828.714.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	7.468.500.000	-	2.173.500.000	9.642.000.000
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi	4.604.250.000	4.604.250.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.319.670.913</b>	<b>31.049.024.640</b>	<b>26.725.100.160</b>	<b>35.995.746.433</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17/10/2016 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2017. Các khoản vay này có thời gian vay 6 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và các tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/433488/HĐBĐ ngày 17/10/2016, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17/10/2016 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng đến hết ngày 17/10/2017. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này. Đến hết ngày 30/06/2017, số dư nợ vay còn lại của công ty tại Quỹ là 7.468.500.000 đồng.
- (v) Khoản vay dài hạn các cá nhân thuộc diện đền bù giải tỏa trong dự án Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường với thời hạn vay là 15 tháng, lãi suất là 0%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hình thức vay: Tín chấp.

### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 30/06/2017	Số dư 01/01/2017
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	278.360.520	278.360.520
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	2.624.236.126	1.077.133.887
<b>Cộng</b>	<b>2.902.596.646</b>	<b>1.355.494.407</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiêu	Số dư 01/01/2017	Sử dụng các quỹ trong năm	Trích lập quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 30/06/2017
Quỹ khen thưởng	1.039.071.350	2.228.000.000	2.590.451.716	-	1.401.523.066
Quỹ phúc lợi	2.096.778.336	404.700.000	2.590.451.716	-	4.282.530.052
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	10.194.480	28.884.375
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	1.861.195.365	-	4.677.175.708	-	6.538.371.073
<b>Cộng</b>	<b>5.036.123.906</b>	<b>2.632.700.000</b>	<b>9.858.079.140</b>	<b>10.194.480</b>	<b>12.251.308.566</b>

**23. Vốn đầu tư chủ sở hữu****a. Tình hình vốn chủ sở hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>30.182.457.785</b>	<b>64.240.914.215</b>	<b>205.123.372.000</b>
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	9.999.070.000	(9.999.070.000)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	90.711.323.357	90.711.323.357
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	0	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>35.776.975.740</b>	<b>118.121.801.546</b>	<b>279.598.777.286</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>35.776.975.740</b>	<b>118.121.801.546</b>	<b>279.598.777.286</b>
Lãi trong năm	-	-	-	54.714.882.116	54.714.882.116
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	(35.999.721.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2017</b>	<b>119.999.070.000</b>	<b>5.700.930.000</b>	<b>44.411.814.794</b>	<b>118.344.044.468</b>	<b>288.455.859.262</b>

**b. Vốn điều lệ**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 119.999.070.000 đồng. Tại ngày 30/06/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***c. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	22.453.313.408	12.855.510.436
Doanh thu thi công công trình xây dựng	75.377.673.161	48.432.258.230
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	-	7.510.288.480
Doanh thu thi công cơ giới	3.834.104.715	3.059.590.055
Doanh thu kinh doanh bất động sản	43.952.453.844	93.798.633.987
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>145.617.545.128</b>	<b>165.656.281.188</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>	<b>22.179.313.969</b>	<b>19.791.681.579</b>
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	4.610.130.538	4.050.590.631
Công ty TNHH MTV XD TL TICCO	5.868.041.302	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	68.472.000	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	11.632.670.129	15.741.090.948

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 2. Giá vốn hàng bán

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	19.261.371.539	11.026.539.442
Giá vốn thi công công trình	74.984.275.229	44.958.813.829
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	-	6.287.562.853
Giá vốn thi công cơ giới	3.351.626.699	3.055.839.599
Giá vốn kinh doanh bất động sản	6.493.634.102	79.767.744.949
<b>Cộng</b>	<b>104.090.907.569</b>	<b>145.096.500.672</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.238.154.514	1.277.233.581
Lãi cho vay	85.062.113	85.532.070
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	26.000.000	18.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	30.733.120.860	32.738.035.614
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	24.245
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.735.255	673.187
<b>Cộng</b>	<b>35.089.072.742</b>	<b>34.119.698.697</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí lãi vay	526.882.685	750.148.592
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	206.916.563	158.290.573
<b>Cộng</b>	<b>733.799.248</b>	<b>908.439.165</b>

### 5. Chi phí bán hàng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí nhân viên	550.945.862	725.508.047
Chi phí vật liệu, bao bì	1.704.393.991	997.329.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.999.454	46.261.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.533.832	10.726.861
Chi phí bằng tiền khác	110.128.241	1.403.440.989
<b>Cộng</b>	<b>2.423.001.380</b>	<b>3.183.267.177</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.053.026.897	3.749.305.712
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	97.801.673	95.624.192
Chi phí dụng cụ quản lý	58.843.014	121.270.544
Chi phí khấu hao	302.420.615	407.109.896
Thuế, phí, lệ phí	210.922.311	190.336.860
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	2.703.346.215	233.454.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.516.867	220.595.901
Chi phí bằng tiền khác	2.346.842.574	2.274.871.413
<b>Cộng</b>	<b>9.039.720.166</b>	<b>7.292.568.638</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	109.163.743	92.799.271
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	96.320.055	302.066.380
Thu khác	2.409.393	8.204.949
<b>Cộng</b>	<b>207.893.191</b>	<b>403.070.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Thanh lý TSCD	-	23.933.098
Tiền phạt	4.673.727	337.530.553
Khác	83.417.640	4.127
<b>Cộng</b>	<b>88.091.367</b>	<b>361.467.778</b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.635.306.804	19.666.435.792
Chi phí nhân công	5.035.841.509	9.452.331.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	934.194.809	1.622.425.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.511.271.131	121.503.675.585
Chi phí khác	5.445.653.226	3.327.467.626
<b>Cộng</b>	<b>115.562.267.479</b>	<b>155.572.335.987</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các bên liên quan****1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số tiền</b>
<b>GIAO DỊCH BÁN</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO</b>		
	- Lợi nhuận chuyển về	1.002.413.341
	- Thuê đất	18.567.782
	- Tiền điện	3.349.419
	- Thuê máy toàn đạc	6.900.000
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	53.687.230
	- Sửa chữa máy móc	4.648.860
	- Thuê máy móc thiết bị	317.903.441
	- Bán vật liệu xây dựng	5.448.774.456
	- Vận chuyển vật tư	49.814.545
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
	- Lợi nhuận chuyển về	514.148.569
	- Thuê đất	33.150.993
	- Tiền điện	44.332.578
	- Chi phí chi hộ đầu thầu	83.601.261
	- Thuê máy móc thiết bị	68.472.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO</b>		
	- Lợi nhuận chuyển về	1.700.258.811
	- Thuê đất	26.570.655
	- Tiền điện	7.307.284
	- Chi phí chi hộ	103.629.201
	- Hồ sơ thầu	454.545
	- Thuê máy móc, thiết bị	2.153.576.902
	- Bán vật liệu xây dựng	2.456.553.636
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	- Lợi nhuận chuyển về	27.516.300.139
	- Tiền điện	829.469.258
	- Lãi vay	85.062.113
	- Thuê thiết bị	255.730.636
	- Bán vật liệu xây dựng	11.376.939.493
<b>GIAO DỊCH MUA</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI</b>		
	- Khối lượng thi công công trình	28.569.183.635
	- Thuê nhân công	122.210.500
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH</b>		
	- Khối lượng thi công công trình	5.473.120.909
	- Thuê nhân công	212.956.900
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO</b>		
	- Khối lượng thi công công trình	33.924.614.291
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	- Mua vật tư	71.099.545
	- Thuê cạp vật tư	196.699.637

**1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2017 với các bên liên quan**

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2017
<b>SỐ PHẢI TRẢ</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI</b>		
	- Phải trả thi công công trình	10.242.270.519
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH</b>		
	- Phải trả thi công công trình	3.772.036.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2017
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO</b>		
	- Phải trả thuê vận chuyển vật tư	19.654.430
	- Phải trả thi công công trình	32.584.808.236
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	- Phải trả mua bê tông tươi	66.222.420
	- Phải trả tiền cấp vật tư	79.831.500
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TICCO AN GIANG</b>		
	- Phải trả thi công công trình	1.682.001.426
<b>SỐ PHẢI THU</b>		
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI</b>		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	330.344.335
	- Phải thu mua vật liệu	4.025.325.500
	- Ứng trước thi công công trình	831.026.000
	- Phải thu lợi nhuận các năm	1.002.413.341
<b>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH</b>		
	- Phải thu lợi nhuận các năm	1.436.625.532
	- Phải thu khác	166.130.216
<b>CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO</b>		
	- Phải thu lợi nhuận	1.700.258.811
	- Phải thu mua bán cừ larsen	2.848.957.130
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	2.368.934.600
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	3.127.253.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO</b>		
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	2.736.847.360
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	71.379.700
	- Phải thu lãi cho vay	42.766.035
	- Phải thu lợi nhuận các năm	74.599.713.414
	- Phải thu khác	525.414.230
	- Ứng trước	768.008.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2017
	- Phải thu thi công công trình	1.645.579.000

### 1.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong 6 tháng đầu năm 2017 từ lương, thưởng, phụ cấp là 2.719.968.812 đồng

## 2. Thông tin bộ phận

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công công trình; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh vật liệu xây dựng (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí Nghiệp Thi công cơ giới (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn giao dịch Bất động sản TICCOCO (TICCOCOreal).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu	Thi công công trình	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
<b>6 tháng đầu năm 2017</b>						
Doanh thu thuần bộ phận	22.453.313.408	75.377.673.161	3.834.104.715	43.952.453.844	-	145.617.545.128
Giá vốn bộ phận	19.261.371.539	74.984.275.229	3.351.626.699	6.493.634.102	-	104.090.907.569
Chi phí bán hàng	1.936.438.888	-	-	486.562.492	-	2.423.001.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp	347.302.922	7.184.450.917	301.475.810	1.206.490.517	-	9.039.720.166
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>908.200.059</b>	<b>(6.791.052.985)</b>	<b>181.002.206</b>	<b>35.765.766.733</b>	<b>-</b>	<b>30.063.916.013</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	453.130	4.328.927.295	195.955	375.502	30.759.120.860	35.089.072.742
Chi phí tài chính	173.247.692	353.634.993	-	-	206.916.563	733.799.248
Thu nhập khác	-	111.573.136	-	96.320.055	-	207.893.191
Chi phí khác	190.577	83.455.453	-	4.445.337	-	88.091.367
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>735.214.920</b>	<b>(2.787.643.000)</b>	<b>181.198.161</b>	<b>35.858.016.953</b>	<b>30.552.204.297</b>	<b>64.538.991.331</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	9.071.437.686	-	9.071.437.686
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	546.290.766	-	206.380.763	-	752.671.529
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>735.214.920</b>	<b>(3.333.933.766)</b>	<b>181.198.161</b>	<b>26.580.198.504</b>	<b>30.552.204.297</b>	<b>54.714.882.116</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>6 tháng đầu năm 2016</b>							
Doanh thu thuần bộ phận	12.855.510.436	48.432.258.230	7.510.288.480	3.059.590.055	93.798.633.987	-	165.656.281.188
Giá vốn bộ phận	11.026.539.442	44.958.813.329	6.287.562.853	3.055.839.599	79.767.744.949	-	145.096.500.172
Chi phí bán hàng	2.609.172.497	-	-	-	574.094.680	-	3.183.267.177
Chi phí quản lý doanh nghiệp	297.682.610	3.801.912.749	527.707.023	331.253.244	2.334.013.012	-	7.292.568.638
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.077.884.113)</b>	<b>(328.467.848)</b>	<b>695.018.604</b>	<b>(327.502.788)</b>	<b>11.122.781.346</b>	<b>-</b>	<b>10.083.945.201</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	1.708.047	2.435.094	526.215	480.214	34.114.549.127	34.119.698.697
Chi phí tài chính	125.945.718	205.289.545	46.666.667	-	-	530.537.235	908.439.165
Thu nhập khác	-	-	98.254.220	200.000	-	304.616.380	403.070.600
Chi phí khác	-	-	4.127	-	-	361.463.651	361.467.778
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(1.203.829.831)</b>	<b>(532.049.346)</b>	<b>749.037.124</b>	<b>(326.776.573)</b>	<b>11.123.261.560</b>	<b>33.527.164.621</b>	<b>43.336.807.555</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	2.233.316.996	-	2.233.316.996
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.243.398)	-	-	-	(224.638.802)	-	(485.882.200)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(942.586.433)</b>	<b>(532.049.346)</b>	<b>749.037.124</b>	<b>(326.776.573)</b>	<b>9.114.583.366</b>	<b>33.527.164.621</b>	<b>41.589.372.759</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu	Thi công công trình	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
<b>Số dư ngày 30/06/2017</b>						
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	15.271.265.313	161.671.093.311	4.468.205.657	134.300.407.709		315.710.971.990
Tài sản không phân bổ					213.729.871.623	213.729.871.623
<b>Tổng tài sản</b>	<b>15.271.265.313</b>	<b>161.671.093.311</b>	<b>4.468.205.657</b>	<b>134.300.407.709</b>	<b>213.729.871.623</b>	<b>529.440.843.613</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	3.848.559.466	85.108.349.423	909.802.741	138.866.964.155		228.733.675.785
Nợ phải trả không phân bổ					12.251.308.566	12.251.308.566
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.848.559.466</b>	<b>85.108.349.423</b>	<b>909.802.741</b>	<b>138.866.964.155</b>	<b>12.251.308.566</b>	<b>240.984.984.351</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2017</b>						
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	8.497.446.036	224.532.626.135	128.914.772.545	5.051.379.000		366.996.223.716
Tài sản không phân bổ					139.987.909.000	139.987.909.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.497.446.036</b>	<b>224.532.626.135</b>	<b>128.914.772.545</b>	<b>5.051.379.000</b>	<b>139.987.909.000</b>	<b>506.984.132.716</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	2.915.921.230	77.164.419.026	141.201.429.170	1.067.462.098		222.349.231.524
Nợ phải trả không phân bổ					5.036.123.906	5.036.123.906
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.915.921.230</b>	<b>77.164.419.026</b>	<b>141.201.429.170</b>	<b>1.067.462.098</b>	<b>5.036.123.906</b>	<b>227.385.355.430</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2016 đã được kiểm toán soát xét.

Tiền Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

C.P. \* Đ.M.